

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM THAO
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 4 năm 2023
“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán:** Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Kim Liên

- **Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Ông Trần Gia Phụng

2. Bà Nguyễn Thị Hương Nhị

- **Thư ký ghi biên bản phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐ-TA ngày 22/3/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Ngọc A, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Khu X, xã Y, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Bùi Đức L, sinh năm 1990.

HKTT: Khu X, xã Y, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

Hiện nay đang cải tạo tại trại giam Tân Lập.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Đinh Thị Ngọc A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Đức L kết hôn ngày 06/6/2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn vợ chồng được tự nguyện tìm hiểu nhau, không bị ai ép buộc. Sau cưới vợ chồng chung

sống hòa thuận đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, chồng chị có sử dụng bạo lực và đánh đập chị. Anh L bị kết án 15 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh Bùi Đức L.

Về con chung: Chị Đinh Thị Ngọc A xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Đình B, sinh ngày 24/01/2014 và cháu Bùi Quỳnh D, sinh ngày 10/8/2016. Khi ly hôn chị A xin được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả hai con chung và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung, về công nợ chung, về công sức đóng góp: Chị Đinh Thị Ngọc A xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không đóng góp công sức gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Bùi Đức L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đinh Thị Ngọc A kết hôn ngày 06/6/2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn vợ chồng được tự nguyện tìm hiểu nhau, không bị ai ép buộc. Sau cưới vợ chồng chung sống hòa thuận đến khi anh bị kết án 15 năm tù. Nay chị A xin ly hôn, anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh xin được đoàn tụ.

Về con chung: Anh Bùi Đình L xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Đình B, sinh ngày 24/01/2014 và cháu Bùi Quỳnh D, sinh ngày 10/8/2016. Khi ly hôn anh nhất trí giao cả hai con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục vì anh đang cải tạo tại Trại giam Tân Lập nên không có đủ điều kiện để chăm sóc con chung.

Về tài sản chung, về công nợ chung, về công sức đóng góp: Anh Bùi Đình L xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không đóng góp công sức gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đinh Thị Ngọc A được ly hôn anh Bùi Đức L.

Về con chung: Giao cả hai con chung là cháu Bùi Đình B, sinh ngày 24/01/2014 và cháu Bùi Quỳnh D, sinh ngày 10/8/2016 cho chị A trực tiếp trông

nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị A vì chị A tự nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, về công nợ chung, về công sức đóng góp: Chị Đinh Thị Ngọc A và anh Bùi Đình L xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Đinh Thị Ngọc A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trên cơ sở xem xét ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Đinh Thị Ngọc A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc xin ly hôn với anh Bùi Đức L, HKTT tại: Khu X, xã Y, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, xác định đây là tranh chấp về Hôn nhân gia đình theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Đinh Thị Ngọc A và anh Bùi Đức L đều xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Đinh Thị Ngọc A và anh Bùi Đức L là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Ngọc A và anh Bùi Đức L có sự tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 06/6/2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Trong cuộc sống vợ chồng chị A cho rằng vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, từ khi anh L bị bắt và kết án 15 năm tù về tội ma túy và vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị được ly hôn với anh L. Còn về phía anh L cho rằng vợ chồng chung sống hòa thuận đến khi anh bị bắt và bị kết án 15 năm tù. Hiện nay anh L đang chấp hành án phạt tù tại trại giam Tân Lập. Như vậy có thể thấy rằng tình trạng vợ chồng đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời, qua xác minh tại địa phương thì vợ chồng anh chị cũng có va chạm, anh L hiện đang cải tạo tại Trại giam Tân Lập đến nay đã được hơn 02 năm và vợ chồng anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn

nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đinh Thị Ngọc A đối với anh Bùi Đức L.

[3] Về con chung: Anh chị xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Đình B, sinh ngày 24/01/2014 và cháu Bùi Quỳnh D, sinh ngày 10/8/2016. Ly hôn, Chị A đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung. Anh L cũng nhất trí khi ly hôn thì giao cả hai con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục vì anh đang cải tạo tại Trại giam Tân Lập không có điều kiện để chăm sóc con chung. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của các bên và phù hợp với thực tế cần được chấp nhận. Do vậy, cần giao cả hai con chung là cháu Bùi Đình B và cháu Bùi Quỳnh D cho chị A được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là phù hợp.

Anh Bùi Đức L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị A vì chị A tự nguyện không yêu cầu. Không ai được cản trở quyền gặp gỡ và thăm nom con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Chị Đinh Thị Ngọc A và anh Bùi Đức L đều xác định vợ chồng không có nên không đề nghị tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Đinh Thị Ngọc A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao là phù hợp với pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Điều 271, khoản 1 và khoản 3 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Ngọc A.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đinh Thị Ngọc A được ly hôn với anh Bùi Đức L.

[2]. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Bùi Đình B, sinh ngày 24/01/2014 và cháu Bùi Quỳnh D, sinh ngày 10/8/2016 cho chị A trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh Bùi Đức L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị A vì chị A tự nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung, về công nợ, về công sức đóng góp: Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Đinh Thị Ngọc A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị A đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng phí theo biên lai thu số AA/2020/0002315 ngày 16/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Thao. Nay được trừ vào tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[5]. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Lâm Thao;
- Chi cục THADS huyện Lâm Thao;
- UBND xã Y, H. Lâm Thao
- Đương sự;
- Lưu HSVA, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kim Liên